

**GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN**

**TƯ TƯỞNG “LẤY DÂN LÀM GỐC” CỦA NHO GIÁO - CƠ SỞ HÌNH THÀNH VĂN HÓA “TRỌNG DÂN” CỦA HỒ CHÍ MINH**

**NGUYỄN THẾ PHÚC (\*)**

*Với Hồ Chí Minh, nhân dân là chủ thể xã hội, chủ thể của mọi cuộc cách mạng. Theo Người, cách mạng có thành công hay không tùy thuộc vào lực lượng của nhân dân. Là người luôn đánh giá cao vai trò của nhân dân, Người khẳng định: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân”; “Để mười lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”; hay “xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân”. Vì vậy, Người đặc biệt chú trọng đến chăm lo lợi ích cho nhân dân: “Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”. Những tư tưởng đó là chiều sâu văn hóa trọng dân của Hồ Chí Minh, mà cội nguồn sâu xa là tư tưởng “lấy dân làm gốc” của Nho giáo.*

Nho giáo ra đời cách đây đã hơn 25 thế kỷ, nhưng những tư tưởng chính trị của nó đến nay vẫn mang tính thời sự sâu sắc. Là đề tài cũ, nhưng nội dung luôn mới đối với những người nghiên cứu. Ở Việt Nam, mặc dù đã có hàng nghìn công trình nghiên cứu về Nho giáo, thậm chí lên đến hàng chục nghìn công trình lớn nhỏ, song điều đó cũng không thể nói những khác biệt trong nhận thức và cách tiếp cận đã được giải quyết triệt để. Riêng vấn đề Nho giáo là một học thuyết triết học, hay một tôn giáo, và sự du nhập vào Việt Nam như thế nào vẫn là một câu hỏi tưởng chừng đơn giản, nhưng bên trong lại chứa đựng nhiều điều phức tạp và khác biệt về nhận thức, tốn nhiều công sức, giấy mực, tranh cãi suốt hàng chục năm nay vẫn chưa ngã ngũ trong giới khoa học xã hội và nhân

văn của Việt Nam. Trong khuôn khổ của bài viết này, tác giả không tham vọng bàn luận về những khác biệt trên, mà chỉ góp một phần nhỏ vào việc làm sáng tỏ một vấn đề cụ thể, một tư tưởng chính trị của Nho giáo mà tầm ảnh hưởng của nó đến sự hình thành tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh nói chung và văn hóa chính trị của Người nói riêng luôn được giới nghiên cứu triết học và lý luận ở Việt Nam đánh giá cao.

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà Nho có tư tưởng cấp tiến, từ nhỏ Người đã được học với những người thầy là các nhà Nho yêu nước tiêu biểu. Vì vậy, Người chịu ảnh hưởng lớn những tư tưởng của Nho giáo trong quá

(\*) Tiến sĩ, Trưởng Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học Huế.



trình hình thành tư tưởng thương dân và chỉ hướng cách mạng sau này. Nói về Nho giáo, vào năm 1921, Người viết: “Khổng Tử vĩ đại (551 TCN.) khởi xướng thuyết đại đồng và truyền bá sự bình đẳng về tài sản. Ông từng nói: thiên hạ sẽ thái bình khi thế giới đại đồng. Người ta không sợ thiếu, chỉ sợ có không đều. Bình đẳng sẽ xóa bỏ nghèo nàn, v.v.”(1). Tư liệu lịch sử này cho thấy, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã hấp thụ một cách nhuần nhuyễn những tư tưởng chính trị tích cực của Nho giáo để vận dụng vào sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Một trong những tư tưởng đó là tư tưởng “*lấy dân làm gốc*”.

### 1. Tư tưởng “Quốc dĩ dân vi bản” của Khổng Tử

Khổng Tử (551 – 479 TCN.) là nhà triết học, nhà chính trị và nhà giáo dục nổi tiếng ở Trung Quốc cổ đại. Học thuyết của ông đề cập chủ yếu đến những vấn đề chính trị - xã hội và do vậy, nó là học thuyết chính trị. Tư tưởng chính trị của Khổng Tử được thể hiện tập trung trong quan niệm của ông về Nhân, Lễ, Chính danh và mối quan hệ giữa chúng. Ông đã khởi xướng tư tưởng “Quốc dĩ dân vi bản” – một tư tưởng chính trị tiến bộ và còn nguyên giá trị cho đến ngày nay. Khổng Tử là người đề xướng xây dựng thể chế quân chủ toàn trị tuyệt đối, ủng hộ cho chế độ phong kiến, luôn kêu gọi mọi người phải bằng lòng với số phận thiên định: “Số phận con người là do trời định và không thể thay đổi tình trạng con người bị phân chia thành *quân tử* và *tiểu nhân*”(2). Thế nhưng, theo Khổng Tử, Trời với người cùng đồng một thể, toàn

dân muốn thế nào là Trời muốn thế ấy, và ông vua làm điều gì trái lòng dân, tức là trái mệnh Trời. Ông nói: “Trời thương dân, dân muốn điều gì, Trời cũng theo” (*Thư: Thái thệ thượng*). Trời và dân luôn gắn bó mật thiết, thông đạt với nhau, nên “người làm vua, làm chúa, phải kính vậy thay!” (*Thư: Cao Dao mô*). Theo Khổng Tử, một ông vua được dân kính, dân trọng phải là người “thích cái thích của dân, phải ghét cái ghét của dân. Thế mới gọi là cha mẹ dân” (*Đại học*). Bởi vì, “hễ làm người ở trên dân mà không chung việc vui với dân là không phải đó vậy. Hễ kẻ lấy những việc vui của dân làm vui (lạc dân chi lạc giả), thời dân cũng vui chuyện vui của người trên (dân diệc lạc kỳ lạc). Làm người trên mà lấy những việc lo của dân làm lo cho mình (ưu dân chi ưu giả), thời dân nó cũng lo những việc lo cho người trên (dân diệc ưu kỳ ưu). Lấy việc vui của cả thiên hạ làm việc vui của mình; lấy việc lo của cả thiên hạ làm việc lo của mình (lạc dĩ thiên hạ, ưu dĩ thiên hạ), như thế mà không làm nên nghiệp vương chắc không có lẽ!”(3). Thấm nhuần tư tưởng này, ngày 21 tháng 1 năm 1946, khi *Trả lời các nhà báo nước ngoài*, Hồ Chí Minh nói: “Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận.

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.1. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.47.

(2) *Từ điển Triết học*. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1986, tr.285.

(3) Sào Nam Phan Bội Châu. *Khổng học đặng*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1998, tr.562.



Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui”(4).

Nói về mối quan hệ giữa vua với dân, Khổng Tử nói: “Dân dĩ quân vi tâm, quân dĩ dân vi thể; tâm trang trắc thể thư, tâm túc tắc dung kính. Tâm hiếu chi, thân tất an chi; quân hiếu chi, dân tất dục chi. Tâm dĩ thể toàn, diệc dĩ thể thương; quân dĩ dân tôn, diệc dĩ dân vong. Nghĩa là dân lấy vua làm tâm, vua lấy dân làm thân thể; tâm trang chính thì dân thể thư thái, tâm nghiêm túc thì dung mạo cung kính. Tâm thích cái gì, thân thể ắt là yên vui cái ấy; vua thích cái gì, dân ắt là muốn cái ấy. Tâm nhờ thân thể mà toàn, và cũng vì thân thể mà nguy; vua nhờ dân mà còn, và cũng vì dân mà mất” (*Lễ ký: Truy y, XXXIII*). Tư tưởng này được Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển để xây dựng mối quan hệ ngày càng bền chặt giữa nhân dân và Chính phủ trong nhà nước của dân, do dân và vì dân. Người viết: “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường”(5).

Đối với Khổng Tử, một ông vua sáng khi làm chính trị cần lưu tâm hướng tới ba điều cốt yếu: *Thứ nhất*, làm cho dân hiểu; *thứ hai*, làm cho dân giàu; *thứ ba*, làm cho dân biết lễ nghĩa. Ông khuyên người quân tử (người cầm quyền chính trị) phải biết làm điều nhân nghĩa cho dân; làm điều nhân nghĩa là cách tốt nhất để cho dân phục. Chính trị được lòng dân thì dân mới phục. Nhưng làm thế nào để dân phục? Khổng Tử đáp: “Xét ở trong dân có người nào trực thời cử nó lên ở triều đình, mà những đứa

uổng kia ta bỏ đó không cử lên. Như thế thời quân tử được dụng mà tiểu nhân bị bỏ, tất nhiên dân tín phục mình; bởi vì ham người lành, ghét người dữ là rất thuận với lòng dân, có gì là dân chẳng phục nữa đâu? Nếu trái lại, những người uổng thời cử lên, mà bao nhiêu người trực lại bỏ đi thời dân chẳng phục”(6). Muốn làm cho chính trị vững mạnh thì người cầm quyền phải lo cho “đủ gạo thóc, tiền bạc; đầy đủ quân lính và binh khí”, nhưng cái cốt là “dân tin” (túc thực, túc binh, tín chi hỹ). Trong trường hợp bất đắc dĩ mà phải bỏ đi một việc, Khổng Tử khuyên nên bỏ việc binh mà giữ lấy thực với tín. Thậm chí bất đắc dĩ mà phải bỏ một việc nữa thì phải “bỏ việc thực, còn chữ tín với dân thì phải giữ lấy”(7). Bởi vì, có tín ắt sẽ có dân và có dân tất yếu sẽ có ngày dựng được nước. Vậy nên, nhà cầm quyền phải biết đối đãi với dân, phải đặc nhân tâm. Tư tưởng “quốc dĩ dân vi bản” này của Khổng Tử đã lan tỏa trong các nền chính trị tiến bộ ở phương Đông suốt chiều dài lịch sử.

## 2. Tư tưởng “dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” của Mạnh Tử

Tư tưởng “dân vi bản” của Khổng Tử được Mạnh Tử (372 - 289 TCN.) kế thừa và phát triển thành một hệ thống hoàn chỉnh “dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” (*Tân tâm, hạ*). Nghĩa là, “dân là đáng quý trọng nhất, sau đó đến xã tắc, còn vua thì sau cùng”. Nền chính trị mà Mạnh Tử chủ trương xây dựng là

(4) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.187.

(5) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.64.

(6) Sào Nam Phan Bội Châu. *Sđđ.*, tr.102.

(7) Sào Nam Phan Bội Châu. *Sđđ.*, tr.105.



hướng tới một nền chính trị được lòng dân. Ông viết: “Làm chính trị mà được lòng dân thôn dã thì làm đến ngôi thiên tử; được lòng thiên tử chẳng qua là làm vua chư hầu; được lòng vua chư hầu chẳng qua là làm quan đại phu. Vua chư hầu làm nguy hại cho xã tắc thì thay đổi ông vua ấy mà đặt ông vua khác” (*Tận tâm*, hạ). Theo ông, thiên tử là do mệnh trời trao cho thánh nhân, nhưng “mệnh trời” nhất trí với “ý dân”. Mệnh trời tán thành người hiền thì đem thiên hạ trao cho người hiền, mệnh trời tán thành truyền cho con, thì đem thiên hạ truyền cho con. Dân theo người hiền thì người hiền làm thiên tử, dân theo người con thì người con làm thiên tử. Mạnh Tử đã lấy gương sáng của vua Nghiêu, vua Thuấn,... để minh chứng điều này. Ông nói: “Sở dĩ vua Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ, v.v. trở thành thiên tử là do ý trời”(8). Trời trao ngôi thiên tử cho người đức hạnh, nhưng trao một cách ngấm ngấm. Tuy vậy, có biểu hiện bề ngoài là lòng dân: “Lòng dân thuận, là trời đã trao, lòng dân không thuận, là trời không ưng, và khi đó trời mượn tay người mà trừ bỏ ngôi thiên tử... Tiêu chuẩn ngôi thiên tử là được lòng dân, mà không nhất thiết theo dòng họ. Ai đủ tiêu chuẩn thì được trời trao”(9). Mặc dù tư tưởng này cũng không làm thay đổi được ý thức xã hội hiện tồn lúc bấy giờ, khi mà quyền lực nằm trong tay vua một cách tuyệt đối, không được kiểm soát và được truyền theo phương thức thế tập, nhưng xét vào thời điểm lịch sử, thì đây thực sự là một tiếng sấm đánh vào tầng lớp cầm quyền phong kiến.

Cùng với ý trời, lòng dân thì nhân đức đã trở thành phẩm chất quan trọng bậc nhất không thể thiếu của người cầm quyền (vua). Chính trị thuận ý trời, lòng dân và nhân đức là thước đo giá trị đối với đấng minh quân. Để trở thành minh quân thì “phải nhân đức; nhân đức mới được lòng dân; được lòng dân sẽ thuận ý trời”(10). Chính trị được lòng dân thì nhiệm vụ hàng đầu của vua là phải quan tâm đến dân. Ông vua cai trị mà quan tâm đến dân đó là nhân đức của người cầm quyền, lúc đó dân sẽ phục tùng và hướng về vua một cách tự nguyện; ngược lại, sẽ có hiệu ứng tiêu cực. Ông nói: “Vua coi bề tôi như chân tay, thì bề tôi coi vua như ruột thịt; vua coi bề tôi như chó ngựa, thì bề tôi coi vua như người dưng; vua coi bề tôi như cỏ rác, thì bề tôi coi vua như thù địch” (Ly lâu hạ - *Mạnh Tử*). Xem đó là một đạo lý chính trị phổ biến của xã hội, Mạnh Tử đã nêu ra lý do chính đáng để tiêu diệt những bạo chúa xa rời dân, hung bạo với dân và khi đó, “giết những tên bạo ngược”(11) mà không mang tội giết vua.

Chính trị được lòng dân của Mạnh Tử còn được thể hiện ở việc ông phát triển tư tưởng “phú chi, giáo chi” của Khổng Tử, đề xuất việc phân phối đất đai cho dân cấy cấy, làm cho dân no ấm, sau đó mới thúc đẩy dân làm điều

(8) Dẫn theo: Dương Xuân Ngọc (Chủ biên). *Lịch sử tư tưởng chính trị*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.43.

(9) Dẫn theo: Dương Xuân Ngọc (Chủ biên). *Sdd.*, tr.43.

(10) Dẫn theo: Dương Xuân Ngọc (Chủ biên). *Sdd.*, tr.43.

(11) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Tập bài giảng Chính trị học* (hệ cao cấp lý luận). Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr.83.



thiện. Không cho dân có hằng sản, để cho dân tội lỗi rồi dùng hình phạt ra mà trị dân như vậy là giăng lưới bắt dân. Nhấn mạnh vấn đề giáo dục, Mạnh Tử nói: “Chính sách hay, không bằng giáo dục hay... chính sách hay thì được tài sản của dân, giáo dục hay thì được lòng dân”(12). Bởi theo ông, “dưỡng dân, là lo cho dân về phần sống xác thịt. Giáo dân là lo cho dân về phần sống tinh thần. Dưỡng với giáo vẫn đồng thì tịnh hành, nhưng cũng có hoãn cấp sai nhau chút đỉnh; trước lo dưỡng rồi sau mới lo đến giáo, cũng như ý trước “phú chi” rồi sau mới “giáo chi”(13). Giáo dục theo ông là dạy dân đạo làm người, cha con phải thương yêu nhau, lớn bé phải thứ bậc trên dưới; bè bạn phải giữ tín với nhau. Điều đó có nghĩa là, dạy dân theo đạo của Khổng giáo. Tư tưởng chính trị của Mạnh Tử hàm chứa nhiều yếu tố nhân văn sâu sắc, nhất là tư tưởng chính trị được lòng dân đã phảng phất yếu tố dân chủ sơ khai, chất phác của phương Đông lúc bấy giờ.

### 3. “Văn hóa trọng dân” của Hồ Chí Minh

Với Hồ Chí Minh, Nho giáo “không phải là một tôn giáo, mà là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử”(14). Vì vậy, Người đã vận dụng một cách triệt để những tư tưởng triết học tích cực của Nho giáo vào sự nghiệp cách mạng. Trong đó, tư tưởng “lấy dân làm gốc” là điển hình và là điểm khởi nguồn cơ bản hình thành “văn hóa trọng dân” của Người.

Khi Nho giáo du nhập vào Việt Nam, các nhà Nho tiến bộ của chúng ta đã tiếp nhận một cách tích cực, đặc biệt là tư tưởng “lấy dân làm gốc” để xây dựng

nền chính trị *thân dân*. Chính trị *thân dân* trở thành cái riêng, cái đặc sắc trong cốt cách của văn hóa dân tộc Việt Nam. Đó là tầm nhìn chiến lược mang đậm tính nhân văn cao cả của Trần Hưng Đạo: “Phải khoan thư sức dân làm kế sâu rễ, bền gốc”. Hay như Nguyễn Trãi xem sức mạnh của dân có thể làm thay đổi thời cuộc, tạo thời, lập thế: “Chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân”. Và, Hồ Chí Minh đã hội tụ được tầm nhìn chiến lược mang tính nhân văn của Hưng Đạo Vương và bậc tài về thao lược tạo thời, lập thế của Nguyễn Trãi để *kiến tạo* một xã hội mới từ gốc rễ đến ngọn nguồn, hội tụ được cả truyền thống và hiện đại: “Gốc có vững cây mới bền/ Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”(15).

Kế thừa tư tưởng “Quốc dĩ dân vi bản” của Khổng Tử và tư tưởng “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” của Mạnh Tử, Hồ Chí Minh đã xây dựng “văn hóa *trọng dân*” trong hoạt động chính trị của cán bộ, đảng viên. Người nói, cách mạng là “phải biết trọng nhân dân. Tôn trọng có nhiều cách, không phải ở chỗ chào hỏi kính thưa có lễ phép mà đủ. Không được phung phí nhân lực, vật lực của dân. Khi huy động nên vừa phải, không nên nhiều quá lãng phí vô ích. Phải khôn khéo tránh điều gì có hại cho đời sống nhân dân. Biết giúp đỡ nhân dân cũng là biết tôn trọng dân”(16). Tin ở dân, thấy được vai trò và

(12) Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, tr.83.

(13) Sào Nam Phan Bội Châu. *Sđđ.*, tr.570.

(14) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.1, tr.461.

(15) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.502.

(16) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.6, tr.458.



sức mạnh của nhân dân trong cách mạng cải biến xã hội đã làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh mang bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn sâu sắc.

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Hồ Chí Minh đã viết *Thư gửi Ủy ban nhân dân các Kỳ, Tỉnh, Huyện và Làng* để nhắc nhở cán bộ phải hiểu rằng: “Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”(17). Điều này cho thấy, trong tư duy của Hồ Chí Minh, dân là chủ thể của quyền lực nhà nước, còn cán bộ chỉ là công bộc của dân, phục vụ nhân dân. Vì vậy, Người đặc biệt chú trọng đến việc giáo dục ý thức dân chủ cho cán bộ, đảng viên, đó là giáo dục tinh thần phục vụ nhân dân.

Trong công cuộc kháng chiến kiến quốc, Hồ Chí Minh đã lấy Nho giáo để giáo dục đạo lý *trọng dân* cho cán bộ, đảng viên. Đạo lý đó được thể hiện rõ ở “6 điều không nên và 6 điều nên làm” mà Người đưa ra vào ngày 5 tháng 4 năm 1948. Cơ sở lý luận của các nguyên tắc đạo đức đó xuất phát từ thực tiễn cách mạng: “Nước lấy dân làm gốc. Trong công cuộc kháng chiến kiến quốc, lực lượng chính là ở dân”(18). 12 lời khuyên này(19) không chỉ là mệnh lệnh tối cao của chính quyền, mà còn là một *thiết chế* văn hóa công chức trong cơ

quan chính phủ dân chủ. Đó là *thiết chế* “văn hóa *trọng dân*” mà nội dung chủ yếu là tôn trọng sức lực, của cải, đời sống tinh thần, phong tục, tín ngưỡng và niềm tin của dân.

Qua 12 điều mà Hồ Chí Minh đưa ra để rèn dạy cán bộ, đảng viên, chúng ta nhớ tới lời dạy về chữ *nhân* của Khổng Tử. Khi Trọng Cung hỏi *nhân* là gì, Khổng Tử đáp: “Cái gì mình không muốn thì không làm cho người ta; ở trong nước không có điều oán, ở trong nhà không có điều oán” (*Nhan Uyên*). Đó là đạo làm người của bậc quân tử, người quân tử có *nhân* sẽ trong sạch, không nghĩ và làm điều xấu, điều ác. Tư tưởng này đã trở thành phương châm ngoại giao của Hồ Chí Minh. Ngày 2 tháng 7 năm 1946, tại buổi chiêu đãi của Chủ tịch Chính phủ Pháp, G.Bidôn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc lại triết lý của Khổng Tử: “Chúng ta đều được kích thích bởi một tinh thần. Triết lý đạo Khổng, và triết lý phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: “*Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” (Điều mà mình không muốn thì đừng làm cho người khác)”(20). Hồ Chí Minh đã vận dụng triết lý này cả ở tầm *vi mô* lẫn *vĩ mô* của cách mạng. Xét ở tầm *vi mô*, Người kêu gọi Chính phủ Pháp phải tôn trọng nền độc lập của dân tộc Việt Nam; còn xét ở tầm *vĩ mô* trong Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Đó là điểm nhìn văn hóa

(17) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.65.

(18) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.501.

(19) Xem: Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.501.

(20) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.304



xuyên suốt trong tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh.

Trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và đấu tranh thống nhất nước nhà, Hồ Chí Minh đã biết dựa vào sức mạnh của nhân dân. Với Người, có dân là có tất cả, dân ủng hộ thì việc gì khó mấy cũng thành công, còn dân không ủng hộ thì việc gì dễ mấy cũng thất bại. Người nói: “*Đễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong*”(21).

Dân, nhân dân, quần chúng nhân dân đã đưa lại cho Hồ Chí Minh niềm tin tuyệt đối vào sức mạnh của chính nghĩa, sức mạnh của nhân dân. Niềm tin này đã làm cho Người thăng hoa sáng tạo trong cách mạng và hoạt động chính trị. Hồ Chí Minh đặt dân ở *địa vị cao nhất* trong vũ trụ, sánh ngang với Thiên – Địa (Trời, Đất) và coi đó là điều thiêng liêng, cao quý nhất. Theo Người, nhân dân là chủ thể tạo ra cả sức mạnh vật chất lẫn sức mạnh tinh thần: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”(22). Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người luôn là mẫu mực của tấm gương *gần dân, học dân để phục vụ nhân dân*, là điển mẫu “*hóa thân một cách toàn vẹn và trọn vẹn vào trong đời sống nhân dân*”. Chính vì *hóa thân trọn vẹn* vào nhân dân mà Người đã “*thấu hiểu dân tình, chăm lo dân sinh, nâng cao dân trí để thực hành dân chủ cho dân*” một cách thật sự. Tất cả những giá trị này đã trở thành “*văn hóa trọng dân*” đặc sắc của Người.

Sống gắn bó với nhân dân, phục vụ nhân dân, học hỏi ở dân là một nhu cầu

chính trị của Hồ Chí Minh và đó là một thứ văn hóa – *văn hóa dân chủ*. Nhu cầu này đã làm cho chính trị của Người là chính trị *hợp* lòng dân và *thuận* thời đại. Trọng dân, theo Người, là phải *hiếu* với dân, phải biết lắng nghe ý kiến và tâm tư, nguyện vọng của dân; phải đền đáp một cách xứng đáng những nhu cầu của nhân dân, như Người nói:

- “1. Làm cho dân có ăn.
2. Làm cho dân có mặc.
3. Làm cho dân có chỗ ở.
4. Làm cho dân được học hành”(23).

Bốn điều cốt yếu đó không chỉ quy tụ và phản ánh nền đạo đức cách mạng chân chính, mà còn thể hiện trách nhiệm của Nhà nước dân chủ nhân dân. Với Hồ Chí Minh, người cán bộ thực sự thấm nhuần đạo đức mới là người phải thực hành *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*. Cùng với nhu cầu chính trị sống gắn bó với nhân dân, phục vụ nhân dân, học hỏi ở dân, Người còn luôn phê phán thói quan liêu, kiêu ngạo và tệ sùng bái cá nhân. Vì vậy, Người hoàn toàn xa lạ với những thói hư, tật xấu do chủ nghĩa cá nhân đẻ ra và kiên quyết chống *đến cùng* các căn bệnh ấy.

Tôn trọng nhân dân là một điểm sáng ngời về đạo đức cách mạng, đó là tấm gương đạo đức suốt đời phấn đấu thực hiện *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*; tấm gương về làm người công bộc tận tụy, trung thành của nhân dân; và tấm gương đạo đức về đời tư trong sáng, cuộc sống giản dị. Với Hồ Chí Minh, mọi việc suy cho cùng là “*ở đời và làm người*”, ở đời thì phải yêu

(21) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.15, tr.280.

(22) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.10, tr.453.

(23) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.175.



nước, làm người thì phải thương dân, thương nhân loại bị áp bức. Vì thế, Người xem cái gì có lợi cho nhân dân, cho dân tộc là chân lý, phục vụ nhân dân là phục tùng một chân lý, làm công bộc cho dân là một việc làm cao thượng.

Từ quan niệm cái gì có lợi cho nhân dân là chân lý, Hồ Chí Minh luôn khuyên cán bộ, đảng viên phải có trách nhiệm với dân, phải nhớ rằng làm cán bộ chứ không phải là quan cách mạng. Cho nên, từ việc nhỏ đến lớn đều phải vì nhân dân, và ở bất kỳ cương vị nào cũng phải vì nhân dân mà phục vụ. Người đã chỉ rõ sự khác nhau giữa cán bộ công bộc của dân với quan cách mạng: “Làm Chủ tịch nước mệt lắm. Trăm việc đều phải lo. Trời mưa, trời nắng, gió bão, v.v. chưa ai lo, mình đã phải lo. Các cháu choẹt mắt, chưa ai lo, mình đã phải lo” (24). Bởi vì, Người thấy được một triết lý sâu xa rằng cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc đều do mồ hôi nước mắt của dân mà ra, nên chúng ta phải đền đáp xứng đáng cho dân. Người đã nói rõ: “Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi” (25). Rằng, tham ô, lãng phí, quan liêu là không thương dân, không xứng đáng với dân.

Một nội dung quan trọng không thể thiếu trong “văn hóa trọng dân” của Hồ Chí Minh là phải lắng nghe ý kiến của nhân dân. Khi ở địa vị cao nhất trong Chính phủ, Người đã nói rõ: “Nếu Chính phủ sai thì dân phê bình, phê bình nhưng không phải là chửi” (26).

Biết lắng nghe nhân dân đóng góp ý kiến, phê bình sẽ giúp cho Chính phủ khắc phục được những khuyết điểm để phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn. “Văn hóa trọng dân” này đã hình thành nên phong cách làm việc dân chủ ở Người. Người đặc biệt chú trọng đến thực hành dân chủ cho dân. Có thực hành dân chủ cho dân thì dân mới phát huy được tinh thần chủ động, sáng tạo trong công việc, có trách nhiệm cao đối với Chính phủ, đối với chế độ. Lúc đó, nhân dân sẽ hết lòng hết sức bảo vệ chế độ. Người nói: “Ai xâm phạm đến Nhà nước của ta, đến chế độ ta, ta phải chống lại họ, bất cứ bằng lời nói hay việc làm” (27). Theo Người, cách tốt nhất để thực hành dân chủ cho dân là đem tài dân, sức dân, trí dân để mưu cầu hạnh phúc cho dân, làm lợi cho dân.

Điểm mấu chốt tạo nên sức mạnh của cách mạng là phát huy *dân chủ, sáng kiến, hăng hái* của dân, ba điều ấy có quan hệ mật thiết với nhau. Bởi vì, “có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đẻ ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi, thì những người đó càng thêm hăng hái, và người khác cũng học theo. Và trong khi tăng thêm sáng kiến và hăng hái làm việc, thì những khuyết điểm lật vật, cũng tự sửa chữa được nhiều” (28). Đó là một nội dung cụ thể trong “văn hóa trọng dân” của Hồ Chí Minh, mà sâu xa, nội dung đó bắt nguồn từ tư tưởng “lấy dân làm gốc” của Nho giáo. □

(24) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.13, tr.274.

(25) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.9, tr.518.

(26) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.75.

(27) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.10, tr.478.

(28) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.284.